

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý hạt nhân

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Hồ Mạnh Dũng

2. Ngày tháng năm sinh: 09/02/1963; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):

Xã Triệu Đại, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Chung cư Phoenix 2, số 37 đường Cao Lỗ, P4, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Trung tâm Hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh, số 217 đường Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 091 833 6329;

E-mail: : homdung@yahoo.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 09/2018 đến nay: Nghiên cứu viên cao cấp (NCVCC), Phó Giám đốc phụ trách, Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 08/2016 đến tháng 08/2018: Nghiên cứu viên chính (NCVC), Phó Viện trưởng, Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt);

Từ tháng 09/2014 đến tháng 07/2016: NCVC, Phó Giám đốc Trung tâm Phân tích, Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt);

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 04/2007 đến tháng 08/2014: Học tập, công tác tại Trường Đại học Alberta, Canada (2011-2014); Viện Công nghệ hạt nhân Bồ Đào Nha (2007-2011);

Từ tháng 01/2005 đến tháng 03/2007: NCV, Phó Giám đốc Trung tâm Phân tích, Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt);

Từ tháng 01/1985 đến tháng 12/2004: NCV, Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt).

Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc phụ trách; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm Hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 217 đường Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028) 3839 3775/ 3835 6568

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Trường ĐH Sư phạm Tp.HCM (2019-2022);
- Trung tâm Đào tạo Hạt nhân - Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam (2015-2022);
- Trường Đại học Đà Lạt (2014-2017);
- Trường ĐH Khoa học tự nhiên Tp.HCM (2005-2006).

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh;
- Trung tâm Đào tạo Hạt nhân - Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12/10/1987; số văn bằng: 069/BTN-K5; ngành: Vật lý; chuyên ngành: Vật lý hạt nhân; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Đà Lạt, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS ngày 18/03/2004; số văn bằng: TP.00017/71KH2; ngành: Vật lý; chuyên ngành: Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

(1) Nghiên cứu phát triển Phân tích Kích hoạt Neutron dựa trên Chuẩn hoá k-zero (k_0 -NAA); (2) Áp dụng k_0 -NAA trong các đối tượng thực tế; (3) Lò phản ứng hạt nhân.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 08 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp Bộ;
- Đã công bố (số lượng) 57 bài báo khoa học, trong đó có 35 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 01, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen - Bộ trưởng Bộ KH&CN - 2015-2016;
- Kỷ niệm chương vì Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ - Bộ trưởng Bộ KH&CN - 2018.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy các môn học được mời giảng: đạt yêu cầu, đúng nội dung, chất lượng và chuẩn đầu ra của môn học; khối lượng kiến thức phù hợp với sinh viên, học viên; phương pháp giảng dạy dễ hiểu, gợi mở, phát huy tính chủ động và năng lực giải quyết vấn đề của sinh viên, học viên; cung cấp đầy đủ tài liệu tham khảo, sử dụng phương tiện hỗ trợ giảng dạy hiệu quả;
- Luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao từ các đề tài trong nước và các đề tài hợp tác quốc tế, hàng năm đều có các công trình khoa học công bố trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế;
- Hướng dẫn chính 01 NCS và hướng dẫn phụ 01 NCS đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ; đang hướng dẫn chính 02 NCS; hướng dẫn chính 08 học viên cao học đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ;
- Với vai trò là Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Hạt nhân Tp.HCM, ứng viên đã hỗ trợ các hoạt động đào tạo khác như tham gia các hội đồng xét duyệt đề cương và bảo vệ luận án tiến sĩ, luận văn cao học, v.v.. tại các cơ sở đào tạo như: Trường ĐH Khoa học tự nhiên Tp.HCM, Trường ĐH Sư phạm Tp.HCM, Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam. Ngoài ra, ứng viên luôn tạo điều kiện cho các đoàn sinh viên của các trường trên địa bàn Tp.HCM đến thực tập, kiến tập tại các phòng thí nghiệm của Trung tâm.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 10 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2004 - 2005			1			50	50/100/135
2	2006 - 2007			2			140	140/210/135
3	2014 - 2015			1		90	90	180/305/135
4	2015 - 2016			2			120	120/380/135
5	2016 - 2017	1		2 (1 HD độc lập, 1 đồng HD)			180	105/460/135
6	2017 - 2018	1	1	2			120	120/480/135
7	2018 - 2019	1	1				90	90/280/135
03 năm học cuối								
8	2019 - 220		1				90	90/213/135
9	2020 - 2021	1					90	90/247/135
10	2021 - 2022	2					90	90/313/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm...

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Nghiên cứu viên khoa học – Scientific researcher (Canada, Bồ Đào Nha – 2008-2014); Sau Tiến sĩ (Bồ Đào Nha – 2007, Hàn Quốc – 2006); Thực tập, trao đổi (Nhật Bản – 1998, Pháp - 1996, Ấn Độ - 1989).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): IELTS 6.0 (năm 2003).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Hồ Văn Doanh	x		x		2016-2018	Viện NLNTVN	2021
2	Hoàng Thanh Phi Hùng	x			x	2017-2019	Viện NLNTVN	2022
3	Nguyễn Thị Ái Thu		x	x		2004-2005	ĐH Đà Lạt	2006
4	Phan Long Hồ		x	x		2004-2005	ĐH KHTN TpHCM	2009
5	Đặng Thị Minh Tâm		x	x		2004-2005	ĐH KHTN TpHCM	2009

6	Trịnh Quang Thành		x	x		2014-2015	ĐH KHTN TpHCM	2015
7	Nguyễn Trí Thịnh		x	x		2015-2016	ĐH Đà Lạt	2016
8	Nguyễn Ngọc Thịnh		x	x		2015-2016	ĐH Đà Lạt	2017
9	Phạm Văn Giáp		x	x		2016-2017	ĐH KHTN TpHCM	2018
10	Bùi Thị Trúc Linh		x		x	2016-2017	ĐH KHTN TpHCM	2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	So sánh các gói phần mềm xử lý phổ gamma (<i>Intercomparison of gamma ray analysis software packages</i>)	CK	IAEA- TECDOC- 1011 (1998) ISBN: 1011-4289	9	Đồng tác giả	89 trang	Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (International Atomic Energy Agency - IAEA)
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Nghiên cứu xây dựng chương trình máy	Chủ nhiệm	Cấp Cơ sở	1997-1998	1999

	tính xử lý phổ gamma tự động				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Tìm hiểu đặc trưng nguyên tố vết trong dầu thô và đá móng vùng mỏ Bạch Hồ bằng NAA	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2003	2004
2	Nghiên cứu phát triển một số kỹ thuật mới và nâng cao khả năng tự động hóa của Phân tích kích hoạt neutron trên Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt	Chủ nhiệm	Cấp Bộ Bộ KHCN	2015-2016	2017
3	Xây dựng hệ chương trình mô phỏng hoạt động của LPU hạt nhân nghiên cứu Đà Lạt	Chủ nhiệm	Cấp Bộ Bộ KHCN	2018-2020	2021
4	Nâng cao khả năng của các kỹ thuật PTHN nhằm đáp ứng nhu cầu của KH điều tra pháp lý (<i>Enhancing Nuclear Analytical Techniques to Meet the Needs of Forensic Sciences</i>)	Chủ nhiệm	Đề tài nghiên cứu hợp tác với Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA-CRP-F11021)	2017-2021	2021

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Xác định Hg bằng kỹ thuật INAA trên lò phản ứng	1	Tác giả chính	Tạp chí Hóa học	ISBN: 0866-7144		Tập 33, Số 3, tr.32-35	1995

2	PP mới xác định Me-Hg bằng KT vi khuếch tán và NAA trên LPU	2	Tác giả chính	Tạp chí Hóa học	ISBN: 0866-7144		Tập 34, Số 1, tr.13-16	1996
3	The 1995 IAEA Intercomparison of gamma-ray spectrum analysis software packages	7	Đồng tác giả	J. Nucl. Inst. Meth. in Physics Research A	ISI (IF = 1.455) ISSN: 0168-9002	29	Vol A387 p.416-432	1997
4	Assessment of nuclear characters of NAA#1 irradiation in HANARO reactor for k0-NAA	4	Đồng tác giả	J. Nuclear Engineering and Technology Journal of the Korean Nuclear Society	ISI (IF = 2.817) ISSN: 1738-5733	2	Vol 34/6, 566-573	2002
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
5	The application and development of k0-NAA at Dalat reactor	2	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	26	Vol 257/3 p.643-647	2003
6	A simple method for alpha determination	2	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	29	Vol 257/3 p.573-575	2003
7	Determination of alpha and f for k0-NAA in irradiation sites with high thermalized neutrons	2	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	25	Vol 257/3 p.509-512	2003
8	Implementation of k0-NAA method on the NAA#3 irradiation hole of HANARO reactor	2	Tác giả chính	J. Nucl. Inst. Meth. in Physics Research A	ISI (IF = 1.455) ISSN: 0168-9002	10	Vol A564 p.702-706	2006
9	Testing the applicability of k0-INAA at the MINT's Triga Mark II reactor	2	Tác giả chính	J. Nucl. Inst. Meth. in Physics Research A	ISI (IF = 1.455) ISSN: 0168-9002	16	Vol A564 p.716-720	2006
10	Calibration of gamma-ray spectrometers coupled to Compton suppression & fast pneumatic systems for k0-NAA method	5	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	10	Vol 278 p.621-625	2008

11	Different methodologies in NAA to approach analysis of environmental and nutritional samples	6	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	7	Vol 278 p.381-386	2008
12	Identifying elemental sources of airborne contamination in lichen biomonitors through INAA	3	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	10	Vol 278 p.469-474	2008
13	Application of NAA to air particulate matter collected at 13 sampling sites in 8 Asian countries: A collaborative study	13	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	11	Vol 278 p.463-467	2008
14	Evaluating children exposure to air pollutants for an epidemiological study	9	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	33	Vol 280 p.405-409	2009
15	Implementation of k0-NAA by using k0-IAEA software and the NAA#3 irradiation hole at the HANARO research reactor	4	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	9	Vol 280 p.439-444	2009
16	Association between monthly-reported rhinitis by children from schools and monthly-averaged air pollutants, at Lisbon (Portugal)	10	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	6	Vol 282 p.15-20	2009
17	Characterizing APM composition and sources in Lisbon, Portugal	9	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	35	Vol 281 p.215-218	2009
18	Determination of phytoextraction potential of plant species for toxic elements in soils of mining areas	10	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	19	Vol 282 p.21-27	2009

19	Quality control and performance evaluation of k ₀ -NAA at Portuguese research reactor	6	Tác giả chính	J. Nucl. Inst. Meth. in Physics Research A	ISI (IF = 1.455) ISSN: 0168-9002	32	Vol A622 p.392-398	2010
20	Re-characterization of irradiation facilities for k ₀ -NAA at RPI after conversion to LEU	4	Tác giả chính	J. Nucl. Inst. Meth. in Physics Research A	ISI (IF = 1.455) ISSN: 0168-9002	26	Vol A622 p.438-442	2010
21	Characterization of abandoned contaminated area at Portugal by INAA	7	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	8	Vol 286 p.577-582	2010
22	Analysis of APM in Teflon and quartz filters by short-irradiation, ENAA with Compton supp.	5	Đồng tác giả	Proceedings Radiochimica Acta	(SJR 2021 = 0.36)	1	Vol 11 371-375	2010
23	Chemical Elements in APM at Pico Mountain, Portugal	5	Tác giả chính	Procs of Global Conf. on Global Warming	GCGW-11		Lisbon, Portugal	2011
24	Air pollution at an urban traffic tunnel in Lisbon, Portugal - An INAA study	5	Đồng tác giả	J. Applied Radiation and Isotopes	ISI (IF = 1.787) ISSN: 0969-8043	42	Vol 69, 1586-1591	2011
25	Trace elements in wild and orchard honeys	6	Đồng tác giả	Applied Radiation and Isotopes	ISI (IF=1.787) ISSN: 0969-8043	27	Vol 69 1592-1595	2011
26	Characterization of geomaterials from NE Portugal using k ₀ -INAA	9	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	1	Vol 294 p.363-369	2012
27	Development of the k ₀ -based cyclic NAA for short-lived radionuclides	4	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	5	Vol 291 p.1-8	2012
28	Assessment of bioaccumulation of REEs by plant species in a mining area by INAA	7	Đồng tác giả	J Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	23	Vol 294, 377-381	2012
29	Characterization and source identification of APM at receptor site of Nigeria	8	Đồng tác giả	Journal of the Air & Waste Management Association	ISI (IF=2.693) ISSN: 1047-3289	27	Vol 63 1026-1035	2013

30	Burn wood influence on outdoor air quality in a small village, Portugal	11	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	30	Vol 291 p.83-88	2012
31	Impact of maritime air mass trajectories on the Western European coast	6	Đồng tác giả	J. Toxicology and Environmental Health Part A	ISI (IF=2.623) ISSN: 1528-7394	41	Vol A76 p.252-262	2013
32	Quality assessment of INAA data for small-sized environmental reference samples	6	Đồng tác giả	J. Analytical Sciences	ISI (IF=2.018) ISSN: 0910-6340	4	Vol. 30, p787	2014
33	Quality evaluation of k ₀ -NAA at Dalat research reactor	5	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	8	Vol 309 p.135-143	2016
34	Determination of multi-element composition of marine sediment and tuna fish by k ₀ -NAA	4	Tác giả chính	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	4	Vol 309 p.235-241	2016
35	Combination and optimization of the cyclic NAA modes at Dalat reactor for ^{77m} Se	5	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	1	Vol 309 p.185-188	2016
36	The upgrading of cyclic NAA facility at Dalat reactor	5	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	1	Vol 315 p.703-709	2018
37	A review of nuclear data for the k ₀ -based neutron activation analysis	2	Tác giả chính	Nuclear Science and Technology (ISSN: 1810-5408)	Quốc tế uy tín		Vol 9/1, p.28-33	2019
38	Các phản ứng hạt nhân trong NAA lò phản ứng	1	Tác giả chính	Tuyển tập BC KH Hội nghị lần thứ XIII – KH&CN HN	Hội nghị Toàn quốc		Quảng Ninh, 2019	2019
39	Đánh giá ảnh hưởng của thời gian chết cho phương pháp NAA lập vòng	3	Đồng tác giả	Tuyển tập BC KH Hội nghị lần thứ XIII – KH&CN HN	Hội nghị Toàn quốc		Quảng Ninh, 2019	2019
40	Phát triển phương pháp chuẩn nội trong NAA tại LPU Đà Lạt	6	Đồng tác giả	Tuyển tập BC KH Hội nghị lần thứ XIII – KH&CN HN	Hội nghị Toàn quốc		Quảng Ninh, 2019	2019

41	Determination of in situ detection efficiency for IM-NAA of non-stand. geometr. samples	6	Đồng tác giả	Nuclear Science and Technology (ISSN: 1810-5408)			Vol 9/4 p.27-33	2019
42	Application of relative and k ₀ -NAA to forensic samples	4	Tác giả chính	15th Int. Conf. on Modern Trends in Activation Analysis	Hội nghị quốc tế (MTAA-15)		India, November 17-22, 2019	2019
43	Determination of the concentration of Fe, Se, and Zn elements in nails of Vietnamese women with breast cancer using k ₀ -INAA method	8	Đồng tác giả	Science & Technology Development Journal			Vol 22(4):370-377	2019
44	Analysis of trace elements in the fingernails of cancer patients using INAA	8	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	3	Vol 324 p.663-671	2020
45	Standardization and application of IM-NAA method using the Dalat reactor	6	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF=1.371) ISSN: 0236-5731	2	Vol 325 p.743-750	2020
46	Determination of thermal neutron flux distribution at rotary rack for k ₀ -NAA	6	Đồng tác giả	Nuclear Science and Technology (ISSN: 1810-5408)	Quốc tế uy tín		Vol 10/1, p.11-20	2020
47	Development of a real-time simulation RELAP/SUNDIALS for Dalat reactor	4	Đồng tác giả	22nd Virtual Ieee Real Time Conference Proceedings	Hội nghị quốc tế		22nd Virtual Ieee Real Time Conference	2020
48	Determination of the coincidence correction factor on measuring HPGe experimental efficiency	6	Đồng tác giả	Tạp chí Khoa học Trường ĐH Sư phạm TP.HCM (ISSN: 1859-3100)			Tập 17, Số 9, p.1703-1714	2020
49	Verification of a real-time interactive transient simulator for Dalat Nuclear Research Reactor	5	Đồng tác giả	Nuclear Science and Technology (ISSN: 1810-5408)			Vol 10/4, p. 08-15	2020
50	Determination of some elements in the nails in patients with colon cancer using TXRFA	10	Đồng tác giả	Spectrochimica Acta Part B: Atomic Spectroscopy	ISI (IF=3.086) ISSN: 0584-8547	1	Vol 182 106234	2021

51	Phát triển phương pháp chuẩn nội của NAA tại LPUHN Đà Lạt	7	Đồng tác giả	Tạp chí KH – ĐH Đồng Nai (ISSN: 2354-1482)			Số 20	2021
52	Phân tích hàm lượng Se trong móng chân bệnh nhân ung thư đại trực tràng	8	Đồng tác giả	Tạp chí Phát triển KH&CN ĐHQGTpHCM (ISSN: 2588-106X)			Số 5(1): p.969-974	2021
53	Evaluation of “k0-Dalat” software for k0-NAA	6	Tác giả chính	Tuyển tập BCKH - Hội nghị thứ XIV – KH&CN HN	Hội nghị Toàn quốc		Đà Lạt, 10/2021	2021
54	Results of grouping for glass samples by INAA & PIXE	5	Tác giả chính	IAEA CRP F11021 Final Meeting	Hội nghị quốc tế		November 8-12, 2021, Switzerland	2021
55	Determination of k0-factors of ¹¹⁰ Ag, ⁴⁶ mSc for NAA	5	Đồng tác giả	Tuyển tập BCKH - Hội nghị thứ XIV – KH&CN HN	Hội nghị Toàn quốc		Đà Lạt, 10/2021	2021
56	Investigation of the effects of chemotherapy on trace element contents in the nails in patients with colorectal cancer	8	Đồng tác giả	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731		328, 1173-1180	2021
57	Comparison of calibration techniques of HPGe detector for Marinelli geometry	6	Đồng tác giả	J. Radioanal Nucl Chem	ISI (IF = 1.371) ISSN: 0236-5731	0	Vol 331/3 1361-1365	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 11 ([5], [6], [7], [8], [9], [10], [19], [20], [27], [33], [34]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: 0

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng “Tuyển tập các giáo trình và bài thực hành nâng cao dành cho cán bộ ngành Năng lượng nguyên tử” – Viện NLNT Việt Nam	Tham gia	2003-2004	Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam	Sử dụng trong các khóa đào tạo do Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam tổ chức	

2	Xây dựng Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO/IEC-17025 cho các phòng thí nghiệm phân tích hạt nhân	Tham gia	2004-2005	Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam	Một số PTN phân tích tại Viện NCHN (trong đó có NAA) đã được công nhận (VILAS) theo tiêu chuẩn ISO/IEC-17025 từ năm 2013 đến nay
3	Xây dựng Phòng chuẩn đo lường cấp 2 tại Trung tâm Hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh	Chủ trì	Quyết định số 3064/QĐ-BKHCN 30/10/2015	Bộ Khoa học và Công nghệ	Áp dụng tại Trung tâm Hạt nhân Tp.HCM từ năm 2019 đến nay
4	Xây dựng Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường khu vực Tp. Hồ Chí Minh	Chủ trì	Quyết định số 3196/QĐ-BKHCN 27/10/2016	Bộ Khoa học và Công nghệ	Áp dụng tại Trung tâm Hạt nhân Tp.HCM từ năm 2021 đến nay

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ...

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS/ cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Hồ Mạnh Dũng